PHẦN VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2426/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, bổ sung Quy hoạch đến năm 2025 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch) với các nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, bổ sung Quy hoạch đến năm 2025 phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng trung du và miền núi phía Bắc; thống nhất với quy hoạch ngành, lĩnh vực của cả nước; đảm bảo thực hiện liên kết, hợp tác chặt chẽ giữa các tiểu vùng trong tỉnh, giữa Tuyên Quang với các tỉnh trong vùng và các tỉnh, thành phố trong cả nước, phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước, tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh, coi trọng chất lượng tăng trưởng nhằm duy trì tốc độ kinh tế ở mức cao, bền vững; khai thác có hiệu quả tiềm năng,

thế mạnh của tỉnh, huy động tối đa nguồn nội lực, đồng thời thu hút mạnh các nguồn ngoại lực để phát triển kinh tế; xây dựng và phát triển thương hiệu các sản phẩm chủ lực với chất lượng cao, có sức cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường trong và ngoài nước; nghiên cứu xây dựng và phát triển cụm liên kết ngành về nông, lâm sản, du lịch.

3. Phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa - xã hội, lấy con người làm trung tâm; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc; phát triển cân đối giữa các vùng trong tỉnh, trong đó tập trung phát triển vùng kinh tế trọng điểm, đột phá; xây dựng tuyến hành lang kinh tế dọc các quốc lộ, từng bước thu hẹp khoảng cách chênh lệch về trình độ phát triển so với cả nước và vùng trung du miền núi phía Bắc. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, chính sách cho các vùng khó khăn; giảm nghèo nhanh, bền vững, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

4. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường sinh thái, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và các rủi ro thiên tai.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng Tuyên Quang phát triển toàn diện. Phát triển kinh tế nhanh và bền vững, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình và phương thức tăng trưởng, phù hợp tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Tập trung phát triển một số ngành công nghiệp có lợi thế, mở rộng và gia tăng chất lượng các loại hình dịch vụ, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hiệu quả và bền vững. Tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất và đời sống. Chú trọng chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Phấn đấu đến năm 2020 Tuyên Quang trở thành tỉnh phát triển khá trong các tỉnh miền núi phía Bắc và đến năm 2025 là tỉnh phát triển bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể điều chỉnh giai đoạn 2016 - 2020

a) Về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt trên 8,0%; đến năm 2020, tổng sản phẩm bình quân đầu người đạt trên 2.400 USD; tổng kim ngạch giá trị xuất khẩu đạt trên 135 triệu USD.

- Cơ cấu kinh tế: ngành công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ trọng 40%; ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng 39%; ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm tỷ trọng 21%.

b) Về xã hội:

- Đến năm 2020, dân số trung bình khoảng 794.000 người; tăng tuổi thọ trung bình của người dân trên 73 tuổi; tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 60%, trong đó đào tạo nghề trên 37%; đạt tỷ lệ trên 8 bác sỹ/vạn dân, 25 giường bệnh/vạn dân, trên 70% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí Quốc gia về y tế xã.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo 3%/năm (theo chuẩn nghèo mới); tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,91%/năm; duy trì 100% số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

c) Về môi trường:

Đến năm 2020, tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 60%; tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch 98% và 95% dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 82% khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; 100% chất thải nguy hại, chất thải y tế và 90% chất thải rắn thông thường được xử lý.

3. Mục tiêu cụ thể bổ sung giai đoạn 2021 - 2025

a) Về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt trên 7,5%; đến năm 2025, tổng sản phẩm bình quân đầu người đạt trên 4.000 USD; tổng kim ngạch giá trị xuất khẩu đạt trên 290 triệu USD.

- Cơ cấu kinh tế: ngành công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ trọng 42 - 43%; ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng 40 - 41%; ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm tỷ trọng 16 - 17%.

b) Về xã hội:

Đến năm 2025, dân số trung bình khoảng 833.000 người; tăng tuổi thọ trung bình của người dân trên 75 tuổi; tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 72%, trong đó qua đào tạo nghề trên 52%; giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 2 - 3%/năm (theo chuẩn nghèo mới); đạt 9,5 bác sỹ/vạn dân, 30 giường bệnh/vạn dân và 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế xã.

c) Về môi trường:

Đến năm 2025, tỷ lệ che phủ rừng trên 60%; tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch 98% và trên 95% dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; 85% khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; duy trì tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế đạt tiêu chuẩn 100%.

III. ĐIỀU CHỈNH ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản và nông thôn

a) Nông nghiệp:

- Phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân giai đoạn 2016 - 2020 (theo giá so sánh năm 2010) tăng trên 4%/năm; giai đoạn 2021 - 2025 tăng trên 3%.

- Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, từng bước hướng tới nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết trong sản xuất nông, lâm nghiệp; gắn chặt việc phát triển các vùng sản xuất hàng hóa với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm; tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất.

- Khuyến khích phát triển trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp phù hợp về quy mô và điều kiện của từng vùng. Gắn kết chặt chẽ, hài hòa lợi ích giữa người sản xuất, người chế biến và người tiêu thụ, giữa việc áp dụng kỹ thuật và công nghệ với tổ chức sản xuất, giữa phát triển nông nghiệp với xây dựng nông thôn mới.

- Nâng cao giá trị gia tăng bền vững trong sản xuất nông nghiệp; hình thành sản xuất hàng hóa gắn với cơ sở chế biến, mở rộng thị trường tiêu thụ; đảm bảo an ninh lương thực, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống nông dân, góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn.

- Duy trì diện tích trồng cây lương thực; tập trung phát triển một số cây chủ lực gắn với chế biến như cây mía, cây chè, cây cam sành. Phát triển chăn nuôi hàng hóa, tạo sản phẩm có chất lượng và sức cạnh tranh cao. Tổ chức chăn nuôi nông hộ với quy mô hợp lý, có kiểm soát, bảo đảm an toàn sinh học. Tăng quy mô đàn lợn, gia cầm; phục hồi tốc độ tăng đàn trâu, đàn bò; duy trì quy mô và nâng cao hiệu quả chăn nuôi đàn bò sữa; khuyến khích phát triển nghề nuôi ong.

b) Lâm nghiệp:

- Rà soát quy hoạch đất lâm nghiệp, quản lý và bảo vệ chặt chẽ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; đẩy mạnh liên kết giữa các công ty lâm nghiệp với các cơ sở chế biến lâm sản, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và thu nhập của người trồng rừng.

- Trồng và khai thác hợp lý rừng sản xuất phục vụ công nghiệp chế biến, ưu tiên cho sản xuất giấy và bột giấy, nâng cao năng suất gỗ rừng trồng. Phấn đấu trong giai đoạn 2016 - 2020 trồng 51.500 ha rừng tập trung, giai đoạn 2021 - 2025 trồng trên 49.000 ha rừng tập trung.

c) Thủy sản

Phát triển thủy sản theo hướng nuôi thâm canh bằng các loài cao sản ở ao, hồ; mở rộng diện tích nuôi thâm canh các loài cá đặc sản có giá trị kinh tế cao gắn nhu cầu thị trường, như: Rầm xanh, anh vũ, chiên, lăng... duy trì diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản trên 12.200 ha.

d) Chương trình nông thôn mới

- Huy động tối đa nguồn lực và toàn xã hội tham gia thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới. Phấn đấu đến năm 2020, có trên 30% số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới; thành phố Tuyên Quang đạt chuẩn nông thôn mới cấp huyện; đến năm 2025, có 65% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Tiếp tục thực hiện dự án điều chỉnh quy hoạch tổng thể di dân tái định cư thủy điện Tuyên Quang, bảo đảm ổn định đời sống và phát triển sản xuất cho các hộ tái định cư. Ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ ổn định đời sống và phát triển sản xuất cho các hộ dân vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng.

2. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề

- Phát triển công nghiệp trở thành nền tảng hỗ trợ và thúc đẩy mạnh mẽ các ngành kinh tế. Phấn đấu tăng trưởng giá trị gia tăng đạt trên 10%/năm giai đoạn 2016 - 2020 và đạt trên 8%/năm giai đoạn 2021 - 2025.

a) Các ngành công nghiệp chủ yếu:

- Chế biến nông, lâm sản, thực phẩm: Đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng nông, lâm sản xuất khẩu; tập trung phát triển năng lực chế biến bằng công nghệ tiên tiến, gắn kết chặt chẽ với vùng nguyên liệu. Đẩy mạnh chế biến sâu và phát triển các sản phẩm ngành chế biến nông, lâm sản, thực phẩm, nhất là chế biến hoa quả, sản xuất bia, rượu.

- Sản xuất vật liệu xây dựng: Tiếp tục đầu tư một số cơ sở sản xuất gạch kết hợp mở rộng, nâng công suất của một số cơ sở theo hướng sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu về vật liệu xây dựng trên địa bàn. Chú trọng các dự án sản xuất vật liệu mới như: Gạch granít, vật liệu composite, bê tông nhẹ… Duy trì công suất khai thác đá vôi phục vụ sản xuất xi măng kết hợp đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị khai thác.

- Công nghiệp cơ khí, luyện kim và công nghiệp hỗ trợ: Tạo môi trường thuận lợi thu hút các dự án về cơ khí chế tạo, luyện kim, từng bước phát triển hệ thống các doanh nghiệp về cơ khí, luyện kim; chú trọng phát triển công nghiệp hỗ trợ, trong đó tập trung phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Công nghiệp dệt may - da giày: Đầu tư công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại và ứng dụng tự động hóa trong sản xuất; tiếp tục thu hút thêm các dự án mới về da giày và công nghiệp hỗ trợ của ngành dệt may, da giày…

- Thiết bị điện, điện tử, tin học: Thu hút các dự án công nghiệp lắp ráp điện, điện tử và các ngành công nghiệp hỗ trợ phục vụ cho công nghiệp điện, điện tử; tập trung sản xuất thiết bị điện, điện gia dụng, thiết bị văn phòng, viễn thông và sản xuất linh kiện điện tử.

- Khai thác, chế biến khoáng sản: Tăng cường chế biến sâu khoáng sản, hạn chế xuất khẩu khoáng sản chưa qua chế biến sâu, nâng cao tối đa hệ số thu hồi khoáng sản chính, các khoáng sản đi kèm và giá trị của các sản phẩm chế biến. Tiếp tục thăm dò đối với các điểm khoáng sản đã điều tra đánh giá ở thời kỳ trước, đồng thời thăm dò mở rộng các điểm khoáng sản có triển vọng.

- Hóa chất: Tập trung sản xuất phân vi sinh nhằm tận dụng nguồn nguyên liệu chính tại địa phương, phục vụ cho nhu cầu của ngành nông nghiệp và lâm nghiệp của tỉnh; kêu gọi một số dự án sản xuất nhựa bao bì, nhựa vật liệu xây dựng, nhựa gia dụng và nhựa kỹ thuật; bước đầu thu hút dự án về sản xuất hóa mỹ phẩm và hóa dược. Chú trọng công tác bảo vệ môi trường.

- Công nghiệp sản xuất điện, nước: Đa dạng hóa các hình thức đầu tư để phát triển nguồn điện, nhất là thủy điện vừa và nhỏ, chú trọng phát triển và nâng cấp lưới điện. Đầu tư một số nhà máy sản xuất nước sạch nhằm đáp ứng nhu cầu về nước sinh hoạt và nước sản xuất ở các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu vực thị trấn, thị tứ và một số khu vực dân cư trên địa bàn tỉnh. Mở rộng mạng lưới cấp, thoát nước để cấp nước sạch cho dân đô thị và dân cư nông thôn được sử dụng nước đạt tiêu chuẩn quốc gia.

b) Phát triển các khu, cụm công nghiệp

Tiếp tục phát huy hiệu quả các cụm công nghiệp hiện có và thành lập mới một số cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; phấn đấu đến năm 2025, toàn tỉnh có 3 khu công nghiệp, bao gồm: khu công nghiệp Long Bình An, khu công nghiệp Vĩnh Thái và khu công nghiệp Sơn Nam.

c) Phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề

Khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển tiểu thủ công nghiệp, xây dựng các làng nghề như: Dệt thổ cẩm, hàng mây, tre đan và các sản phẩm mang sắc thái văn hóa đặc thù của địa phương nhằm khai thác, sử dụng các vật liệu sẵn có của địa phương, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

3. Phát triển thương mại, dịch vụ.

Phấn đấu tốc độ tăng giá trị gia tăng đạt trên 9%/năm giai đoạn 2016 - 2020 và đạt trên 10%/năm giai đoạn 2021 - 2025

a) Thương mại:

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, xây dựng, quảng bá thương hiệu một số sản phẩm chủ lực của tỉnh; mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu. Phấn đấu tổng kim ngạch xuất khẩu đến năm 2020 đạt trên 135 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân thời kỳ 2016 - 2020 là 15,8%/năm và đến năm 2025 đạt trên 290 triệu USD, tốc độ tăng trưởng trung bình khoảng 17%/năm. Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ giai đoạn 2016 - 2020 đạt 20%/năm và giai đoạn 2021 - 2025 đạt 18%/năm.

- Đầu tư đổi mới kỹ thuật, công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất các mặt hàng xuất khẩu như: chè, bột giấy, giấy tráng phấn cao cấp, gỗ tinh chế, khoáng sản đã chế biến sâu, hàng may mặc xuất khẩu và hàng thủ công mỹ nghệ; khuyến khích các dự án đầu tư sản xuất, xuất khẩu nông, lâm sản chế biến, các dự án gia công hàng thủ công mỹ nghệ.

- Thu hút đầu tư các công trình hạ tầng thương mại, nhất là các siêu thị, trung tâm thương mại tại thành phố Tuyên Quang, khu công nghiệp, chợ trung tâm các huyện; phát triển chợ nông thôn tại những nơi phù hợp. Giai đoạn sau 2020 nghiên cứu xây dựng các loại hình thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh; hoàn thành việc chuyển đổi mô hình tổ chức, quản lý chợ và xây dựng 01 trung tâm thông tin thương mại tại thành phố Tuyên Quang và các chi nhánh trung tâm.

b) Du lịch:

- Đầu tư hạ tầng các khu, điểm du lịch. Quy hoạch và xây dựng Khu du lịch lịch sử, văn hóa và sinh thái Tân Trào thành Khu du lịch Quốc gia; tập trung phát triển Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm; Khu du lịch sinh thái Na Hang và du lịch thành phố Tuyên Quang.

- Khai thác tốt loại hình du lịch lịch sử, văn hóa nghỉ dưỡng, sinh thái, tâm linh. Phát huy các di tích lịch sử, giá trị văn hóa truyền thống. Phát triển du lịch với các tua, tuyến du du lịch văn hóa, lịch sử, tâm linh, sinh thái kết hợp mua sắm các sản phẩm đặc trưng của địa phương.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các dịch vụ du lịch, xây dựng cơ sở lưu trú, khu nghỉ dưỡng, giải trí, sân golf... Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành du lịch bảo đảm đáp ứng yêu cầu.

c) Các sản phẩm dịch vụ khác: Phát triển các loại hình dịch vụ khác như tài chính, ngân hàng, bưu chính, viễn thông, bảo hiểm, khoa học công nghệ, vận tải hàng hóa, hành khách... để đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ.

4. Phát triển các lĩnh vực xã hội

a) Phát triển giáo dục - đào tạo

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, xây dựng xã hội học tập, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Thực hiện có hiệu quả việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm hướng nghiệp dạy nghề.

- Nâng cao chất lượng đào tạo của trường Đại học Tân Trào, tăng cường liên kết đào tạo cả trong nước và quốc tế, từng bước xây dựng trường thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực trong khu vực, là đơn vị chủ lực của tỉnh trong nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ. Nâng cao năng lực đào tạo của các trường trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề của tỉnh, trong đó tập trung nâng cao chất lượng Trường Cao đẳng nghề Tuyên Quang thành trường trọng điểm để đào tạo công nhân kỹ thuật có trình độ tay nghề cao, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội.

- Tiếp tục tăng cường cơ sở vật chất cho các trường học. Đẩy mạnh phong trào xây dựng trường chuẩn quốc gia ở các ngành học, bậc học. Phát triển trường chuyên của tỉnh. Phát triển cơ sở vật chất cho giáo dục chuyên nghiệp, đào tạo nghề, đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển chất lượng dạy học đạt tiêu chuẩn chung trở lên.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện các bậc học. Tăng tỷ lệ học sinh trong độ tuổi các bậc học đến trường học. Giữ vững, duy trì kết quả 100% xã, phường, thị trấn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; tiếp tục đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh.

- Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo theo từng cấp học và trình độ đào tạo. Tiến tới tất cả giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, giáo viên, giảng viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải có trình độ từ đại học trở lên.

- Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hoá, huy động nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất ngành giáo dục và đào tạo; tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân học tập, chú trọng điều kiện học tập ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

b) Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho nhân dân, quan tâm đối với đồng bào vùng sâu, vùng xa, các đối tượng chính sách. Tăng cường chuyển giao các kỹ thuật mới, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh. Đào tạo, thu hút, nâng cao trình độ chuyên môn, trách nhiệm và y đức của đội ngũ cán bộ y tế.

- Thực hiện tốt chính sách dân số, quan tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, người khuyết tật, bảo vệ và chăm sóc trẻ em; tiếp tục thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân, phấn đấu tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%.

c) Văn hóa, thể dục thể thao

- Xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực cho sự phát triển. Gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng, phát triển văn hóa, con người với xây dựng củng cố hệ thống chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh. Nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", góp phần xây dựng nếp sống văn minh, giữ gìn và phát huy đoàn kết ở khu dân cư. Chú trọng xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh, là yếu tố quan trọng để nuôi dưỡng, giáo dục nhân cách, nếp sống cho mỗi người.

- Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử, giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc gắn với phát triển du lịch. Triển khai Quy hoạch tổng thể bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Tân Trào. Nâng cao chất lượng, đa dạng hóa các loại hình hoạt động văn hóa, nghệ thuật, khuyến khích xã hội hóa hoạt động biểu diễn nghệ thuật; nhân rộng các mô hình nghệ thuật quần chúng.

- Phát triển thông tin, truyền thông đa dạng, đúng định hướng, đáp ứng nhu cầu thông tin, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân. Hiện đại hóa hệ thống báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin cơ sở; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật cho hệ thống các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình từ cơ sở.

- Đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao, rèn luyện thân thể. Tập trung đầu tư cho thể dục thể thao trường học, tạo sự chuyển biến cơ bản về chất lượng công tác giáo dục thể chất cho học sinh. Tập trung bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ vận động viên thể thao thành tích cao và vận động viên cấp kiện tướng. Đầu tư phát triển 13/19 môn, trong đó 05 môn thể thao trọng điểm thuộc nhóm I và 08 môn nhóm II. Phấn đấu đến năm 2020 số dân tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt 30%, gia đình thể thao đạt 25%; đến năm 2025, có 40% dân số tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên và 30% hộ đạt tiêu chuẩn gia đình thể thao.

d) Lao động, việc làm

- Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề, tập trung các ngành nghề gắn với nhu cầu của thị trường lao động và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đẩy mạnh xã hội hóa dạy nghề, chú trọng đào tạo nghề đối với lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, vùng sâu, vùng xa; từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động, phấn đấu đến năm 2020 cơ cấu lao động có tỷ trọng như sau: Nông, lâm, ngư nghiệp là 63%, công nghiệp, xây dựng là 19,5% và dịch vụ là 17,5%; đến năm 2025, các tỷ trọng tương ứng là 42%, 28% và 30%.

- Mở rộng và phát triển thị trường lao động; tăng cường tìm kiếm các kênh thông tin về nhu cầu lao động xuất khẩu. Giải quyết việc làm mới cho trên 18.000 lao động/năm. Thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, kinh doanh cho các hộ gia đình, các doanh nghiệp tạo ra những ngành nghề mới, việc làm mới. Phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị giảm xuống còn 2,5% và đến năm 2025 giảm xuống còn 2%.

5. Khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ; chú trọng ứng dụng công nghệ sinh học, cơ giới hóa các vùng chuyên canh; đổi mới công nghệ sản xuất, thu hoạch, bảo quản và chế biến sản phẩm các cây trồng, vật nuôi có lợi thế của tỉnh. Triển khai các đề tài, dự án khoa học có trọng tâm, nâng cao năng lực tiếp cận và ứng dụng khoa học công nghệ.

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định. Thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển bền vững và tăng trưởng xanh. Triển khai quy hoạch khai thác và sử dụng khoáng sản, quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học... Quy hoạch, xây dựng một số dự án xử lý rác thải tập trung, xử lý nước thải đô thị; bảo đảm khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải; xử lý cơ bản các cơ sở gây ô nhiễm môi trường; thực hiện tốt việc thu gom, xử lý rác thải nguy hại, rác thải rắn, rác thải y tế. Thực hiện các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

6. Quốc phòng, an ninh

Phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững mạnh, trọng tâm là xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, tăng cường tiềm lực cho quốc phòng, an ninh. Đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

7. Phát triển kết cấu hạ tầng

a) Giao thông

- Đường bộ: Đầu tư xây dựng đường cao tốc nối thành phố Tuyên Quang với đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai; 02 tuyến đường dọc bờ sông Lô từ trung tâm thành phố Tuyên Quang đến đường dẫn cầu Bình Ca dài 19,5 km; cải tạo, nâng cấp các tuyến quốc lộ, đường Hồ Chí Minh. Triển khai đầu tư xây dựng cầu Bình Ca (huyện Yên Sơn), cầu Tình Húc (thành phố Tuyên Quang); cải tạo, nâng cấp các tuyến đường tỉnh và các tuyến đường đô thị, đường huyện; tiếp tục thực hiện nhựa hóa hoặc bê tông hóa đường giao thông nông thôn với quy mô, chính sách phù hợp.

- Đường sắt: Chuẩn bị các điều kiện triển khai xây dựng đường sắt Thái Nguyên - Tuyên Quang - Yên Bái.

- Đường thủy: Xây dựng các tuyến vận tải thủy chính như tuyến sông Lô từ cảng Việt Trì - Ngã ba Lô Gâm Tuyên Quang cấp III, dài khoảng 115 km, chỉnh trị nạo vét thanh thải luồng tuyến đảm bảo tàu 200 tấn đi lại được bốn mùa; tuyến vùng hồ thủy điện Tuyên Quang từ đập thủy điện Tuyên Quang lên thượng lưu, cấp III, dài khoảng 16 km. Thu hút nguồn vốn đầu tư 02 cảng sông: Cảng An Hòa, cảng thành phố Tuyên Quang và các bến khách vùng lòng hồ thủy điện Tuyên Quang.

b) Hệ thống cấp điện

- Tập trung đẩy mạnh tiến độ đầu tư xây dựng để hoàn thành các dự án thủy điện: thủy điện Yên Sơn, thủy điện Thác Vàng.

- Quy hoạch cải tạo phát triển lưới điện trên địa bàn toàn tỉnh, đặc biệt quan tâm, mở rộng lưới điện tới các thôn, bản vùng chưa có điện trên địa bàn tỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

- Xây dựng mở rộng, nâng cấp lưới điện đáp ứng yêu cầu phát triển nhất là đối với các khu đô thị, khu, cụm công nghiệp, khu du lịch. Hoàn chỉnh hệ thống chiếu sáng công cộng ở thành phố Tuyên Quang, thị trấn, huyện lỵ.

- Xây dựng, cải tạo từng bước hiện đại hóa lưới điện hạ thế nông thôn, phù hợp với phát triển sản xuất và phân bố các điểm dân cư.

c) Hệ thống cấp, thoát nước

- Mở rộng phạm vi và nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước. Khai thác hợp lý các công cấp nước hiện có, mở rộng, nâng cấp và đầu tư xây dựng mới các công trình phù hợp với sự phát triển của các đô thị. Phát huy hiệu quả quản lý hệ thống cấp nước hiện nay; bảo vệ và sử dụng hợp lý nguồn nước.

- Đầu tư một số nhà máy sản xuất nước sạch nhằm đáp ứng nhu cầu về nước sinh hoạt và nước sản xuất ở các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu vực thị trấn thị tứ và một số khu vực dân cư trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu đầu tư xây dựng nhà máy cấp nước Khu công nghiệp Long Bình An

d) Hệ thống thủy lợi

Tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống thủy lợi, nâng cao năng lực tưới và hạn chế thiệt hại do thiên tai; xây dựng, cải tạo các công trình hồ chứa đa năng, công trình kè sông đoạn qua các đô thị; tu sửa, nâng cấp, quản lý và khai thác có hiệu quả các công trình thủy lợi. Chủ động có các phương án ứng phó với biến đổi khí hậu.

IV. ĐỊNH HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN LÃNH THỔ

1. Định hướng phát triển các tiểu vùng

a) Vùng núi phía Bắc, bao gồm: thị xã Na Hang, huyện Na Hang mới, huyện Lâm Bình, huyện Chiêm Hóa và huyện Hàm Yên.

- Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồi núi phía Bắc với nhịp độ nhanh nhằm thực hiện giảm nghèo, rút ngắn sự chênh lệch về điều kiện sống và tiến bộ xã hội với các vùng khác của tỉnh. Đẩy mạnh sản xuất nông, lâm, nghiệp, phát huy lợi thế của vùng về cây công nghiệp, cây ăn quả; tập trung phát triển chăn nuôi gia súc theo hướng sản xuất hàng hóa; phát triển vùng nguyên liệu giấy cho sản xuất và xuất khẩu; phát triển khai thác, chế biến sâu khoáng sản... tập trung phát triển các loại hình du lịch sinh thái, du lịch văn hóa;

- Tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, hệ thống cấp điện, cung cấp nước sạch, thủy lợi; tiếp tục đầu tư xây dựng các thủy điện vừa và nhỏ; phát triển hạ tầng, sản xuất dịch vụ, du lịch sinh thái gắn với khai thác khu vực lòng hồ thủy điện Tuyên Quang làm động lực phát triển;

- Phát triển mạng lưới chợ trên cơ sở nâng cấp các chợ bị xuống cấp, xây mới các chợ theo Quy hoạch được phê duyệt để đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu mua bán của nhân dân; đầu tư xây dựng mạng lưới cửa hàng kinh doanh thương mại, của hàng kinh doanh xăng dầu; thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển các loại hình thương mại hiện đại, chi nhánh trung tâm thông tin thương mại tại các khu du lịch và trung tâm huyện, thị xã.

b) Vùng trung tâm, bao gồm thành phố Tuyên Quang và vùng phụ cận;

- Hình thành hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, đặc biệt là mạng lưới giao thông và mạng lưới thông tin liên lạc, đảm bảo thông suốt với các vùng trong tỉnh và khu vực. Phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản, may, da giày, vật liệu xây dựng,... Quy hoạch, xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Long Bình An.

- Khai thác Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm thành địa điểm quan trọng của du lịch Tuyên Quang, đồng thời phát triển du lịch lịch sử văn hóa, sinh thái, du lịch tâm linh tại thành phố Tuyên Quang; phát huy tiềm năng cảnh quan của sông Lô đoạn qua thành phố Tuyên Quang.

- Tập trung nâng cấp, phát triển mạng lưới chợ hiện có; phát triển hệ thống thương mại bán buôn, bán lẻ hiện đại; phát triển các dịch vụ hỗ trợ và xúc tiến thương mại như: Trung tâm hội chợ triển lãm, trung tâm thông tin thương mại.

c) Vùng phía Nam, bao gồm: Huyện Yên Sơn, huyện Sơn Dương và huyện mới thành lập (dự kiến trung tâm huyện đặt tại xã Hồng Lạc)

- Tập trung phát triển nông, lâm, nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa; đẩy mạnh công nghiệp chế biến sâu khoáng sản, lâm sản; bảo tồn, tôn tạo khu căn cứ cách mạng, đầu tư xây dựng, phát triển Khu du lịch quốc gia đặc biệt Tân Trào.

- Xây dựng và phát triển các khu, cụm công nghiệp, nhất là khu công nghiệp Sơn Nam gắn với xây dựng và phát triển các đô thị, trong đó có thị trấn mới đặt tại xã Sơn Nam.

- Tập trung nâng cấp phát triển mạng lưới chợ hiện có, phát triển hệ thống bán buôn, bán lẻ hiện đại, chi nhánh trung tâm thông tin thương mại tại trung tâm các huyện và các khu du lịch.

2. Định hướng phát triển hệ thống đô thị

- Xây dựng và tập trung phát triển một số đô thị động lực, có sức lan tỏa phát triển ra các vùng xung quanh theo hướng tổ chức không gian chung "một tâm, hai điểm".

- Xây dựng và phát triển thành phố Tuyên Quang là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, công nghiệp, dịch vụ, du lịch, đầu mối giao thông của tỉnh, xứng đáng là "Một tâm" trong tổng thể tổ chức không gian của tỉnh; phấn đấu đạt đô thị loại II trước năm 2020, tiến tới là đô thị loại I trực thuộc tỉnh sau năm 2020.

- Phấn đấu trước năm 2020, nâng cấp thị trấn Na Hang trở thành thị xã; xây dựng thị trấn Sơn Dương, thị trấn Vĩnh Lộc trở thành đô thị loại IV.

- Xây dựng và phát triển các thị trấn theo quy hoạch. Ưu tiên tập trung đầu tư xây dựng các trung tâm huyện lỵ mới, gắn với phát triển công nghiệp, du lịch, dịch vụ như thị trấn Sơn Nam, thị trấn Tân Trào. Tập trung thực hiện chương trình phát triển nhà ở, đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội và nhà ở cho sinh viên, công nhân khu công nghiệp.

V. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ

(Phụ lục chi tiết kèm theo)

VI. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp huy động và sử dụng nguồn vốn đầu tư.

- Nhu cầu tổng vốn đầu tư để thực hiện các mục tiêu Quy hoạch của tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2016 - 2025 là rất lớn, ước tính khoảng 125 đến 135 nghìn tỷ đồng. Để thu hút nguồn vốn đáp ứng nhu cầu này, cần có giải pháp huy động

vốn cụ thể đối với từng nguồn vốn: nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng, vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước, vốn doanh nghiệp trong nước và vốn trong dân, nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và các nguồn vốn hợp pháp khác, cũng như định hướng sử dụng nguồn vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

- Xây dựng, ban hành danh mục các dự án kêu gọi đầu tư, trong đó tập trung vào các dự án trọng tâm, trọng điểm

- Sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương hợp lý, hiệu quả, đẩy mạnh công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng ngân sách. Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn nhất là nguồn vốn của doanh nghiệp, vốn trong dân và trong các thành phần kinh tế, bằng phương thức kết hợp nhà nước và nhân dân cùng làm, đối tác công - tư (PPP).

- Huy động tốt nguồn lực bên ngoài để phát triển, nhất là vốn ODA, FDI, NGO... nhằm xây dựng các công trình lớn có tầm quan trọng đối với sự phát triển của tỉnh.

2. Giải pháp về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính.

- Triển khai có hiệu quả Chương trình cải cách hành chính Nhà nước; tập trung cải cách tổ chức bộ máy hành chính, các thủ tục hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, cải cách tài chính, hiện đại hóa hành chính.

- Tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế; nâng cao chất lượng hoạt động văn phòng một cửa liên thông để nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng nhằm khai thác tốt nhất nội lực và thu hút tối đa ngoại lực cho phát triển.

- Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân các cấp và ủy quyền cho các sở ngành theo hướng phân cấp, ủy quyền đi đôi với nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu và tăng cường năng lực bộ máy chính quyền cơ sở; tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ công chức ở các cơ quan hành chính nhà nước, bảo đảm tính chuyên nghiệp.

- Hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, nhất là các cơ chế chính sách để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong cải cách các thủ tục hành chính, tăng cường công khai, minh bạch các thủ tục hành chính có liên quan đến người dân và doanh nghiệp.

3. Giải pháp về phát triển khoa học công nghệ.

- Ứng dụng có hiệu quả tiến bộ khoa học, công nghệ trong sản xuất công nghiệp, sản xuất nông lâm nghiệp; xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích phát triển khoa học, công nghệ; các chương trình phối hợp, hợp tác với các trường đại

học, viện nghiên cứu; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và phát triển, nhất là đối với các sản phẩm chủ lực. Quy hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trong lĩnh vực khoa học công nghệ.

- Có chính sách đãi ngộ, hợp lý đối với các cán bộ khoa học nhằm thu hút và giữ được đội ngũ có trình độ cao để thúc đẩy mạnh hơn việc đưa khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

4. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của tỉnh giai đoạn 2011 - 2020. Quy hoạch lại mạng lưới đào tạo nhân lực, đồng thời tiếp tục đổi mới chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giảng dạy của các cơ sở đào tạo; mở rộng, tăng cường hợp tác phát triển nhân lực.

- Xây dựng và triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực, chính sách việc làm, bảo hiểm, chính sách huy động các nguồn lực xã hội cho phát triển nguồn nhân lực, chính sách thu hút và đãi ngộ nhân tài, chính sách phát triển thị trường lao động, tổ chức giới thiệu việc làm và cung cấp thông tin thị trường lao động.

- Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của nguồn nhân lực trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng cho hệ thống chính trị các cấp và toàn xã hội. Đổi mới quản lý nhà nước về phát triển nhân lực theo hướng kiện toàn tổ chức bộ máy, đẩy mạnh phân cấp và hoàn thiện chính sách;

- Đào tạo và bồi dưỡng nhân lực theo hướng vừa nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn kỹ thuật vừa nâng cao thể lực, phẩm chất đạo đức của nguồn nhân lực. Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao với cơ cấu ngành nghề và trình độ hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; chú trọng phát triển nhân lực các ngành, lĩnh vực quan trọng và các nhóm nhân lực đặc thù.

5. Giải pháp về hội nhập, hợp tác, xúc tiến đầu tư, liên kết phát triển

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế và xúc tiến hợp tác đầu tư, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước vào những lĩnh vực mà tỉnh có lợi thế, tiềm năng. Tăng cường liên kết, phối hợp với các tỉnh trong vùng trung du và miền núi phía Bắc. Mở rộng liên kết, phối hợp với các tỉnh, thành phố trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và các tỉnh, thành phố khác.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, xây dựng chiến lược đầu tư theo định hướng xuất khẩu và chương trình xúc tiến thị trường xuất khẩu. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu. Tạo môi trường thông thoáng để thu hút các nguồn đầu tư và viện trợ nước ngoài. Duy trì và phát huy các thị trường truyền thống và chủ động tìm kiếm thị trường mới.

- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận thông tin, thâm nhập và mở rộng thị trường. Hình thành các tổ chức nghiên cứu thị trường, xúc tiến thương mại và đầu tư.

6. Tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh

- Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước của chính quyền các cấp trong thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh trong thời kỳ mới; củng cố, kiện toàn và phát huy vai trò tham mưu của cơ quan chuyên trách quốc phòng, an ninh các cấp.

- Mở rộng và phát huy dân chủ, tạo sự đồng thuận xã hội, huy động sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, khơi dậy sự năng động, sáng tạo của các cấp, các ngành và nhân dân. Luôn giữ vững ổn định chính trị, tạo môi trường thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội.

- Thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra gắn với nâng cao vai trò giám sát của cơ quan dân cử và nhân dân, xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, lãng phí, củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

- Nâng cao nhận thức và chất lượng công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Thực hiện nghiêm túc chế độ sẵn sàng chiến đấu ở các cấp, xử lý kịp thời, có hiệu quả, làm thất bại âm mưu, hoạt động "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, dự bị động viên vững mạnh.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm, Chiến lược quốc gia về phòng chống ma tuý, chương trình hành động phòng chống tội phạm buôn bán người; kiềm chế, giảm các loại tội phạm, tăng cường quản lý nhà nước về an ninh trật tự. Thực hiện có hiệu quả các giải pháp kiềm chế tai nạn giao thông; nâng cao ý thức cảnh giác, tự giác tham gia bảo vệ an ninh, trật tự của các tầng lớp nhân dân.

VII. TỔ CHỨC VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Sau khi điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025 được phê duyệt, tỉnh tổ chức công bố, phổ biến đến các cấp ủy Đảng và chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh. Căn cứ nội dung điều chỉnh của Quy hoạch tiến hành xây dựng chương trình hành động cụ thể để có kế hoạch thực hiện đạt kết quả.

2. Cụ thể hóa các nội dung của điều chỉnh Quy hoạch bằng các kế hoạch 5 năm, hàng năm để thực hiện và có đánh giá kết quả đạt được. Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện điều chỉnh Quy hoạch.

3. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, tổ chức giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, lợi thế của địa phương với các nhà đầu tư; giới thiệu các chương trình, dự án cần được ưu tiên đầu tư, trong đó chú trọng kêu gọi đầu tư các dự án trọng điểm tạo ra những sản phẩm chủ lực.

Điều 2. Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025 là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch ngành (quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác có liên quan), các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong điều chỉnh Quy hoạch được phê duyệt chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực để đảm bảo phát triển tổng thể, đồng bộ giữa kinh tế, xã hội với quốc phòng, an ninh.

2. Lập kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm, các dự án cụ thể để tập trung đầu tư, ưu tiên bố trí nguồn vốn một cách hợp lý.

3. Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và luật pháp của nhà nước trong từng giai đoạn nhằm thu hút, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

Điều 4. Các Bộ, ngành có liên quan trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn và giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang trong quá trình thực hiện Quy hoạch.

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang trong việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch ngành, lĩnh vực đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của quy hoạch; xem xét, hỗ trợ tỉnh trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện quy hoạch.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Quyết định này thay thế Quyết định số 100/2008/QĐ-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020.

Điều 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2426/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên chương trình, dự án
A	**CÁC CHƯƠNG TRÌNH**
1	Chương trình tham gia xây dựng, phát triển cụm liên kết ngành nông, lâm nghiệp, du lịch, phát triển đô thị, các tuyến hành lang kinh tế
2	Chương trình phát triển công nghiệp
3	Chương trình phát triển nông, lâm nghiệp, xây dựng nông thôn mới
4	Chương trình phát triển du lịch
5	Chương trình phát triển giao thông, lưới điện, nước sạch, vệ sinh môi trường và hạ tầng kỹ thuật
6	Chương trình xây dựng và phát triển văn hóa, con người Tuyên Quang đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững
7	Chương trình phát triển nguồn nhân lực, khoa học công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin
8	Chương trình lao động, việc làm, xuất khẩu lao động, giảm nghèo bền vững
9	Chương trình hỗ trợ, nâng cao năng lực của doanh nghiệp
10	Các chương trình đối ngoại và hợp tác quốc tế
B	**CÁC DỰ ÁN**
I	**HẠ TẦNG KỸ THUẬT**
1	Hạ tầng Cụm khu công nghiệp - dịch vụ - đô thị Long Bình An
2	Hạ tầng Khu công nghiệp Sơn Nam
3	Khu liên hiệp thể thao tỉnh
4	Hạ tầng các khu du lịch, điểm du lịch trên địa bàn các huyện Na Hang, Lâm Bình, Yên Sơn, thành phố Tuyên Quang
5	Xây dựng bến xe khách tại các huyện, thành phố
6	Trường Đại học Tân Trào, thành phố Tuyên Quang
7	Bảo tàng lịch sử ATK Tân Trào
8	Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Tuyên Quang
9	Dự án đầu tư xây dựng các trạm y tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang
10	Dự án thủy lợi hồ Cao Ngỗi, huyện Sơn Dương

STT	Tên chương trình, dự án
11	Dự án đầu tư nâng cấp đường Xuân Lập - Khuổi Củng
12	Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước và xây dựng trạm xử lý nước sạch thành phố Tuyên Quang
13	Dự án Trường trung học phổ thông Lâm Bình
14	Dự án đầu tư xây dựng cầu Tình Húc
15	Dự án phát triển cơ sở hạ tầng đường giao thông huyện Chiêm Hóa, huyện Sơn Dương, huyện Lâm Bình
16	Dự án đấu nối đường cao tốc Tuyên Quang với đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai
17	Xây dựng Bệnh viện chất lượng cao
II	**SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**
1	Sản xuất giống gia cầm
2	Sản xuất giống lợn siêu nạc
III	**SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP**
1	Nhà máy sản xuất vật liệu polyme composite
2	Nhà máy sản xuất gạch lát tự chèn
3	Nhà máy sản xuất gạch không nung
4	Nhà máy sản xuất gạch Terrazzo
5	Nhà máy sản xuất tấm nhựa
6	Nhà máy bê tông đúc sẵn
7	Nhà máy bột đá siêu mịn
8	Nhà máy sản xuất đá xẻ ốp lát
9	Nhà máy cơ khí lắp ráp và chế tạo
10	Nhà máy lắp ráp điện tử
11	Nhà máy sản xuất sơn công nghiệp
12	Nhà máy sản xuất phân bón
13	Nhà máy sản xuất felspat
14	Nhà máy xử lý nước thải Khu công nghiệp Long Bình An
15	Dự án sản xuất giầy da
16	Nhà máy may công nghiệp
17	Nhà máy sản xuất đồ gỗ dân dụng
18	Nhà máy chế biến cam quả và kho lạnh bảo quản
19	Dự án xây dựng nhà máy nước khoáng

STT	Tên chương trình, dự án
20	Nhà máy chế biến chè Shan gắn với vùng nguyên liệu sản xuất chè theo tiêu chuẩn VietGAP
21	Nhà máy thủy sản đông lạnh Na Hang
IV	**DU LỊCH - DỊCH VỤ, THƯƠNG MẠI**
1	Khu vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng suối khoáng Mỹ Lâm
2	Khu du lịch Hồ thủy điện Tuyên Quang
3	Khu du lịch sinh thái Phiêng Bung, huyện Na Hang
4	Khu du lịch sinh thái động Song Long, huyện Lâm Bình
5	Khu du lịch sinh thái lâm thủy Cọc Vài, huyện Lâm Bình
6	Khu thể thao trên nước thuộc Khu du lịch sinh thái Lâm Bình
7	Khu du lịch thủy trại Đà Vị thuộc Khu du lịch sinh thái Na Hang, huyện Na Hang
8	Khu du lịch sinh thái núi Dùm
9	Khu du lịch sinh thái Hang Tiên, huyện Hàm Yên
10	Khu đô thị mới tại phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang
11	Khu đô thị mới tại phường Ỷ La, thành phố Tuyên Quang
12	Khu đô thị mới tại phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang
13	Trung tâm thương mại, siêu thị trung tâm các huyện và thành phố Tuyên Quang
14	Sân Golf và khu du lịch sinh thái xã Nhữ Khê, Nhữ Hán, huyện Yên Sơn
15	Công viên nghĩa trang
16	Xây dựng khách sạn
17	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý đất đai phục vụ công tác quản lý tài nguyên và môi trường tỉnh Tuyên Quang

Ghi chú: Về vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng và tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong Phụ lục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư phù hợp với nhu cầu, khả năng cân đối và huy động nguồn lực của tỉnh./.